TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09 /2020/QĐST - VDS	*Mỏ Cày Bắc, ngày 28 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Căn cứ Điều 211, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-VDS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1/ Anh Phan Minh Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy tại biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 20 tháng 4 năm 2020 anh Phan Minh Đệ và chị Nguyễn Thị Cẩm H không đoàn tụ, hòa giải đoàn tụ không thành. Anh Đ và chị H thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận:

Về hôn nhân: Anh Phan Minh Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung tên Phan Ngọc Vân A, sinh ngày 14-7-2016, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2020. Hình thức cấp dưỡng là mỗi tháng cấp một lần.

Về tài sản chung: Anh Đ, chị H trình bày không có.

Về nợ chung: Anh Đ, chị H trình bày không có.

Về lệ phí việc dân sự: Anh Đ, chị H mỗi người nộp 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về hôn nhân: Anh Phan Minh Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung tên Phan Ngọc Vân A, sinh ngày 14-7-2016, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2020. Hình thức cấp dưỡng là mỗi tháng cấp một lần.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ, chị H trình bày không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Đ, chị H trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự:

Anh Đ phải nộp 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010930 ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

Chị H phải nộp 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010929 ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Người yêu cầu;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;*
- *UBND xã T (số 64, ngày 24/11/2014).;*
- *Lưu HS,VP.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên